TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨ THƯ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 18-9-2017
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình giữa: Chị Phạm Thị N và anh Hoàng Trọng P

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhiễu;

2. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình *tham gia phiên toà:* Bà Lê Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2017/QĐXX-ST ngày 01 tháng 8 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 25/2017/QĐHPT-HNGĐ ngày 29/8/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1979

Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình

(Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Hoàng Trọng P, sinh năm 1976

Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình

(Vắng mặt)

3. Người làm chứng: Bà Trần Thị D, sinh năm 1956 (mẹ đẻ của anh P)

Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/3/2017 và trong quá trình xét xử, chị Phạm Thị N yêu cầu xin ly hôn anh Hoàng Trọng P và xin nuôi con chung. Chị N trình bày như sau:

Chị N và anh P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 24/6/1997. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống tại địa phương. Anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh P rượu chè, cờ bạc nên thường xuyên say xỉn, chửi bới, đánh đập chị N, khiến có lần chị N phải đi điều trị tại Trạm y tế xã và Công an xã T đã phải can thiệp. Tháng 7/2016 anh P đã đuổi chị N đi. Chị N đã về nhà mẹ đẻ ở hẳn từ đó đến nay. Anh chị chính thức sống ly thân nhau từ đó, không quan tâm hay liên lạc gì với nhau nữa. Nay chị N thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân với anh P nên chị xin ly hôn anh P.

Về quan hệ con chung: Chị N, anh P có hai con chung là Hoàng Trọng P1, sinh ngày 16/5/1998 và Hoàng Thu T, sinh ngày 17/10/2004. Từ khi anh chị ly thân cho đến nay, con T sinh sống cùng chị N tại nhà bố mẹ chị. Ly hôn, chị N xin được trực tiếp nuôi dưỡng con T, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung. Con P1 đã trên 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất, tinh thần nên không yêu cầu giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, và trình bày anh chị không có nghĩa vụ về tài sản với cá nhân, tổ chức nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn đã nộp các tài liệu chứng cứ chứng minh tình trạng mâu thuẫn vợ chồng gồm: Một văn bản viết tay đề tên người viết là Hoàng Trọng P thừa nhận có lỗi là không mang tiền về cho vợ, suốt ngày đề đóm, rượu chè, say xỉn, về đánh chửi vợ con; một "Đơn xin ly hôn" của chị Phạm Thị N đề ngày 23/02/2017 có chữ ký tên Hoàng Trọng P.

Bị đơn - anh Hoàng Trọng P đã vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án không thu thập được quan điểm của anh P về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung, quan hệ tài sản chung giữa anh P và chị N.

Người làm chứng - Bà Trần Thị D (Mẹ đẻ của anh Hoàng Trọng P) trình bày: Anh P, chị N xây dựng gia đình với nhau năm 1997. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng với vợ chồng bà tại địa phương. Anh chị chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì đã nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình anh chị không hợp nhau. Từ khi kết hôn đến nay, chị N đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở 13 lần. Lần cuối cùng chị N bỏ về nhà mẹ đẻ là từ tháng 7/2016 cho đến nay. Nay chị N có đơn xin ly hôn anh P, bà D đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Chị N, anh P có hai con chung và chỉ có tài sản chung là một số đồ dùng sinh hoạt giá trị không lớn, hiện nay chị N đang quản lý, sử dụng. Anh P hiện vẫn đang sống

cùng bà D. Tòa án có gửi các văn bản tố tụng về cho anh P nhưng anh P không nhận, anh P cho bà D biết anh P không tham tố tụng, việc ly hôn giữa anh và chị N tùy Tòa án giải quyết.

Cháu Hoàng Thu T trình bày: Nếu bố mẹ ly hôn cháu muốn được ở với mẹ.

UBND xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình cung cấp: Chị N, anh P xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V ngày 24/6/1997. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng bố mẹ đẻ anh P tại địa phương. Anh chị chung sống bình thường được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh P rượu chè, cờ bạc. Trong khi đó, chị N tính tình kiêu căng, ương bướng, không khéo léo trong ứng xử. Vì vậy mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng căng thẳng, trầm trọng. Khoảng tháng 7/2016 chị N đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở cho đến nay. Khoảng tháng 02/2017, anh chị đã xảy ra cãi vã, đánh đập nhau, gây mất trật tự tại địa phương khiến chính quyền phải can thiệp. UBND xã nhận thấy mâu thuẫn giữa chị N, anh P tồn tại đã lâu và không có khả năng hòa giải, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Chị N và anh P có hai con chung, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2004, đề nghị Tòa án giao con nhỏ cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đã gửi các văn bản tố tụng về cho anh P, nhân viên văn thư UBND xã đã đến tận nhà để giao các văn bản này cho anh P nhưng anh P có một lần nhận thông báo thụ lý vụ án, sau đó từ chối nhận tất cả các văn bản khác. Anh P cho biết sẽ không tham gia tố tụng, Tòa án cứ giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng về thụ lý, thẩm quyền, thu thập chứng cứ, tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng, hòa giải, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử và thời hạn chuyển giao hồ sơ cho Viện kiểm sát. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn đã không thực hiện nghĩa vụ gửi bản sao các tài liệu, chứng cứ cho bị đơn, mặc dù Tòa án đã yêu cầu nhiều lần. Các nghĩa vụ khác, nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình và có mặt tại phiên tòa. Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51; 56; 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Xử cho chị N được ly hôn anh P, giao con Hoàng Thu T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận chị N không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản: tách ra giải quyết sau. Về án phí: Chị N phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn đã không thực hiện việc gửi bản sao các tài liệu, chứng cứ đã giao nộp cho Tòa án cho bị đơn, mặc dù Tòa án đã nhiều lần giải thích và yêu cầu nguyên đơn thực hiện nghĩa vụ này. Như vậy, nguyên đơn đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định tại khoản 9 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn sau khi được Tòa án thông báo thụ lý vụ án đã từ chối nhận các văn bản tố tụng và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã vắng mặt hai lần tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy cần áp dụng các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân của chị N, anh P được xác lập hợp pháp từ ngày 24/6/1997. Tuy nhiên vợ chồng anh chị đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách, lối sống của chị N, anh P không phù hợp nhau, chị N thì ương bướng, ngang ngạnh, còn anh P rượu chè, cờ bạc. Anh chị không tìm được biện pháp hữu hiệu để hóa giải mâu thuẫn mà thường xuyên xảy ra cãi vã, đánh đập nhau, và đã sống ly thân từ tháng 7/2016 cho đến nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị N, anh P là có thật và đã trầm trọng, kéo dài, đời sống chung đã chấm dứt trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng các Điều 51; 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, xử cho chị N được ly hôn anh P - như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Về quan hệ con chung: Chị N, anh P có hai con chung. Con P1 đã trên 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất, tinh thần nên không đặt ra giải quyết. Từ khi anh chị ly thân cho đến nay, con T do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy chị N đủ điều kiện nuôi con. Mặt khác, để đảm bảo cho con T được ổn định cuộc sống, tiếp tục học tập và phát triển, nên cần áp dụng Điều 58; 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử giao con T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chấp nhận việc chị N không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về quan hệ tài sản: Cần tách ra giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

[4] Về án phí: Chị N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 227; 228; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51; 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục kèm theo.

[1] Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn anh Hoàng Trọng P.

[2] Quan hệ con chung: Chị Phạm Thị N và anh Hoàng Trọng P có hai con chung là Hoàng Trọng P1, sinh ngày 16/5/1998 và Hoàng Thu T, sinh ngày 17/10/2004. Con P1 đã trên 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất, tinh thần nên không đặt ra giải quyết. Xử giao con T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh P có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; Chị N, anh P có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3] Quan hệ tài sản: Tách ra giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

[4] Án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình (biên lai số 0002591 ngày 15/3/2017) sang thi hành án phí sơ thẩm.

Án tuyên công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 18/9/2017. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũ Thư
- UBND xã T, huyện V .
- Lưu VT; hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thanh Bình

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨ THƯ** **TỈNH THÁI BÌNH** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ

Vào hồi giờ phút ngày tháng năm 2017

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình

Với hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà : Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

+ Các hội thẩm nhân dân: …….

Tiến hành nghị án đối với vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình thụ lý số 51/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2017

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Nhung, sinh năm 1979

Nơi cư trú: Thôn Nghĩa Khê, xã Tam Quang, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình

2. Bị đơn: Anh Hoàng Trọng Phu, sinh năm 1976

Nơi cư trú: Thôn Nghĩa Khê, xã Tam Quang, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Áp dụng các điều 227; 228; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục kèm theo.

Biểu quyết: 3/3

1. Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Nhung được ly hôn anh Hoàng Trọng Phu.

Biểu quyết: 3/3

2. Quan hệ con chung: Chị Phạm Thị Nhung và anh Hoàng Trọng Phu có hai con chung là Hoàng Trọng Phiên, sinh ngày 16/5/1998 và Hoàng Thu Trang, sinh ngày 17/10/2004. Con Phiên đã trên 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất, tinh thần nên không đặt ra giải quyết. Xử giao con Trang cho chị Nhung trực tiếp nuôi dưỡng, chị Nhung không yêu cầu anh Phu cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Phu có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; Chị Nhung, anh Phu có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

Biểu quyết: 3/3

3. Quan hệ tài sản: Tách ra giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

Biểu quyết: 3/3

4. Án phí: Chị Phạm Thị Nhung phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền tạm ứng án phí chị Nhung đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình (biên lai số 0002591 ngày 15/3/2017) sang thi hành án phí sơ thẩm.

Biểu quyết: 3/3

5. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi 14 giờ 45 phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Bình

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨ THƯ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ

Vào hồi giờ phút ngày 29 tháng 8 năm 2017

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình

Với hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà : Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

+ Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nhiễu, ông Nguyễn Thanh Nghĩa

Tiến hành nghị án đối với vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình thụ lý số 51/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2017

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Nhung, sinh năm 1979

Nơi cư trú: Thôn Nghĩa Khê, xã Tam Quang, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình

2. Bị đơn: Anh Hoàng Trọng Phu, sinh năm 1976

Nơi cư trú: Thôn Nghĩa Khê, xã Tam Quang, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Anh Hoàng Trọng Phu vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Áp dụng khoản 1 Điều 227; Điều 233; Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Quyết định Hoãn phiên tòa dân sự sơ thẩm.

Phiên tòa được mở lại vào hồi 14 giờ ngày 18/9/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư tỉnh Thái Bình

Biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi 08 giờ 30 phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Bình